

Số: 17/2019/QĐST-HNGĐ

Đồng Văn, ngày 01 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1987
Trú tại: Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang

- Bị đơn: Anh Trương Đức H, sinh năm 1987
Trú tại: Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 81; 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nông Thị T, sinh năm 1987
Trú tại: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang

Anh Trương Đức H, sinh năm 1987
Trú tại: Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị T và anh Trương Đức H.
- Về con chung:

+ Chị Nông Thị T chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Gia H, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2012 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

+ Anh Trương Đức Hoàng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Trương Gia H đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ từng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Tài sản riêng: Của người nào vẫn thuộc quyền sở hữu của người đó;

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố Tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội .

+ Chị Nông Thị T chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo sự thỏa thuận của hai bên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 03062 ngày 04 tháng 3 năm 2019. Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang trả lại chị T, 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Anh Trương Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- UBND P. M-TP Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Trần Xuân Long